

Số: **142/2021/QĐST-HNGĐ**

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 125/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2021 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- **Chị Vương Thị Hải N**, sinh năm 1971;

Đăng ký nhân khẩu thường trú và ở tại: P10, 10 L, phường Đ, quận B, thành phố H.

- **Anh Tạ An G**, sinh năm: 1962;

Đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi ở: P10, 10 L, phường Đ, quận B, thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] – Về quan hệ hôn nhân: Chị Vương Thị Hải N và anh Tạ An G kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn số 96/2010, quyển số 01/2010 ngày 22/10/2010 tại Ủy ban nhân dân phường Đ, quận B, thành phố H. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống tại Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại P10, 10 L, phường Đ, quận B, thành phố H cho đến nay.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến tháng 5 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện với nhau để tìm giải pháp hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Nay anh chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng không còn tiếng nói chung với nhau, không quan tâm đến nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nguyện vọng của anh chị đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Nên chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của chị Vương Thị Hải N và anh Tạ An G.

[2] Về nuôi con chung: Chị Vương Thị Hải N và anh Tạ An G xác nhận vợ chồng không có con chung.

[3] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Tòa không xem xét.

[4] Về nhà ở: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Tòa không xem xét.

[5] Về nợ chung: Anh chị xác định không nợ ai và không cho ai vay nợ. Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Tòa không xem xét.

[6] Về lệ phí ly hôn: Chị N tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, Không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Vương Thị Hải N và anh Tạ An G.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Tòa không xem xét.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Tòa không xem xét.

- Về nhà ở: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Tòa không xem xét.

- Về các vấn đề khác: Về nợ chung: Anh chị xác định không nợ ai và không cho ai vay nợ.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị N tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ly hôn đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai tạm ứng lệ phí ly hôn số AA/2019/0001270 ngày 12 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Ba Đình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *Viện kiểm sát nhân dân Quận Ba Đình;*
- *UBND phường Đ, quận B, thành phố H;*
- *Lưu: Hồ sơ việc dân sự.*

THẨM PHÁN

(Đã ký)

NGÔ THỊ VÂN